

Bản án số: 729/2024/DS-ST

Ngày: 24-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân
- Bà Lâm Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 672/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1150/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1423/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ

Địa chỉ: B L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức N, sinh năm 1997, địa chỉ liên hệ: B L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo giấy ủy quyền số 1919/UQ-PVB ngày 13/3/2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ).

(Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Phạm Đạt Thường N1, sinh năm 1985

Địa chỉ: M, Khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 5 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (Sau đây gọi tắt là ngân hàng) và ông Phạm Đạt Thường N1 có quan hệ vay tài sản như sau:

Khoản vay thứ nhất: Ngày 16/01/2019, tại Chi nhánh H của ngân hàng, ông Phạm Đạt Thường N1 và ngân hàng đã ký kết Đơn Đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P MasterCard số 2019011610507236/TTD-PVB. Theo đó, ông N1 vay của ngân hàng số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, thời hạn là 12 tháng với mục đích tiêu dùng; Lãi suất cho vay đối với việc sử dụng Thẻ tín dụng do ngân hàng ban hành và được thay đổi theo từng thời kì, được công bố trên trang thông tin điện tử (website) chính thức của ngân hàng; Trạng thái thẻ: 11-CALL ACQUIRER SECURITY. Ngày 22/02/2019, ngân hàng đã phát hành cho ông N1 thẻ tín dụng theo thỏa thuận hai bên đã ký kết.

Khoản vay thứ hai: Ngày 31/03/2020, tại Chi nhánh Nguyễn Thị T của ngân hàng, ông Phạm Đạt Thường N1 và ngân hàng ký kết Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 28/2020/HĐTD/PVB-NTT.KHCN. Theo hợp đồng này, ông N1 vay của ngân hàng số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, thời hạn là 12 tháng với mục đích thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ, các khoản phải trả và các mục đích tiêu dùng hợp pháp khác của chủ tài khoản thông qua thực hiện dịch vụ thanh toán trên tài khoản thanh toán theo quy định pháp luật; Lãi suất căn cứ theo quy định tại bản “Điều khoản và điều kiện về cấp tín dụng và phát hành, sử dụng thẻ tín dụng tại P” (đính kèm theo Hợp đồng tín dụng). Cùng ngày 31/03/2020, ngân hàng đã giải ngân số tiền này cho ông N1.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Phạm Đạt Thường N1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng. Mặc dù ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, nhắc nhở nhưng ông N1 vẫn cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 24/9/2024, ông Phạm Đạt Thường N1 còn nợ ngân hàng số tiền như sau: Nợ gốc là 117.770.348 đồng, nợ lãi là 113.175.902 đồng, nợ thẻ tín dụng là 56.381.753 đồng, tổng cộng nợ là 287.328.003 đồng.

Nay, ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc:

- Ông Phạm Đạt Thường N1 phải trả cho ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 24/9/2024 tổng cộng là 287.328.003 đồng nói trên.

- Ngoài ra, ông Phạm Đạt Thường N1 phải trả cho ngân hàng các khoản nợ lãi và phí phát sinh theo đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P MasterCard số 2019011610507236/TTD-PVB và Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số

28/2020/HĐTD/PVB-NTT.KHCN kể từ ngày 25/9/2024 cho đến khi tất toán khoản vay.

* Về ý kiến, đề nghị của bị đơn:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án cũng không gửi văn bản trả lời về nội dung đơn kiện mặc dù đã được Tòa án nhân dân Quận 12 thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, tổng đạt thông báo thụ lý và triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ kiện.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử. Ngoài ra, Viện kiểm sát còn nhận xét về việc tham gia tố tụng của các đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Đây là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", tại thời điểm ký hợp đồng bị đơn cư trú tại Quận A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn:*

[3.1] Hồ sơ thể hiện, vào ngày 16/01/2019, giữa ông Phạm Đạt Thường N1 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có giao kết, thực hiện hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Nguyên đơn là ngân hàng thương mại hoạt động theo Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên được cấp tín dụng theo hình thức "phát hành thẻ tín dụng" theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngân hàng đã cấp cho ông N1 thẻ tín dụng quốc tế P MasterCard số 2019011610507236/TTD-PVB, hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N1 đã thực hiện các giao dịch và phát sinh dư nợ. Quá trình sử dụng, ông N1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Việc vi

phạm nghĩa vụ trả nợ của ông N1 là căn cứ để ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ theo quy định tại Khoản mục 20 và 25 của Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tại P phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Lãi và phí được ngân hàng tính theo quy định tại quy định về phí và lãi suất của Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tại P là phù hợp với quy định tại khoản 1 và 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3.2] Hồ sơ cũng thể hiện, ông N1 còn khoản vay khác tại ngân hàng với số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, thời hạn là 12 tháng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ, các khoản phải trả và các mục đích tiêu dùng hợp pháp khác của chủ tài khoản thông qua thực hiện dịch vụ thanh toán trên tài khoản thanh toán theo quy định pháp luật. Hai bên giao kết hợp đồng theo hình thức ký Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 28/2020/HĐTD/PVB-NTT.KHCN (Giấy đề nghị) vào ngày 31/03/2020 tại Chi nhánh Nguyễn Thị T của ngân hàng. Cùng ngày, ngân hàng đã giải ngân số tiền này cho ông N1. Lãi suất căn cứ theo quy định tại bản “Điều khoản và điều kiện về cấp tín dụng và phát hành, sử dụng thẻ tín dụng tại P” (Điều khoản) là phù hợp với phần VIII của Giấy đề nghị mà ông N1 đã ký kết.

Nguyên đơn là ngân hàng thương mại hoạt động theo Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên được cấp tín dụng theo hình thức “cho vay” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Quá trình sử dụng, ông N1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng đã thông báo bằng phương **thức gửi thư điện tử** là phù hợp với tiểu mục 30.1 của Điều khoản. Việc ông N1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ là căn cứ để ngân hàng thu hồi toàn bộ nợ theo các quy định của Điều khoản là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Lãi và phí được ngân hàng tính theo quy định tại phần thanh toán của Điều khoản trên cơ sở mức lãi và phí theo quy định của ngân hàng trong từng thời kỳ là phù hợp với quy định tại khoản 1 và 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định, tính đến ngày 24/9/2024, ông N1 còn nợ ngân hàng số tiền như sau: Nợ gốc là 117.770.348 đồng, nợ lãi là 113.175.902 đồng, nợ thẻ tín dụng là 56.381.753 đồng, tổng cộng nợ là 287.328.003 đồng.

Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, buộc ông N1 trả cho ngân hàng số tiền còn thiếu tổng cộng của hai khoản vay là 287.328.003 đồng. Đồng thời, ông N1 phải trả cho ngân hàng các khoản nợ lãi và phí phát sinh theo đơn đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P MasterCard số 2019011610507236/TTD-PVB và Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 28/2020/HĐTD/PVB-NTT.KHCN kể từ ngày 25/9/2024 cho đến khi tất toán khoản vay.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 287.328.003 đồng nên bị đơn phải chịu án phí là: $5\% \times 287.328.003 \text{ đồng} = 14.366.400 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 và 2 Điều 91, các điểm a và d khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P MasterCard số 2019011610507236/TTD-PVB ngày 16/01/2019, Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tại P, Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 28/2020/HĐTD/PVB-NTT.KHCN ngày 31/03/2020, Điều khoản và điều kiện về cấp tín dụng và phát hành, sử dụng thẻ tín dụng tại P, tính đến ngày 24/9/2024, ông Phạm Đạt Thường N1 còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền nợ gốc là 117.770.348 (Một trăm mười bảy triệu bảy trăm bảy mươi ngàn ba trăm bốn mươi tám) đồng, nợ lãi là 113.175.902 (Một trăm mười ba triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn chín trăm lẻ hai) đồng, nợ thẻ tín dụng là 56.381.753 (Năm mươi sáu triệu ba trăm tám mươi một ngàn bảy trăm năm mươi ba) đồng, tổng cộng nợ là 287.328.003 (Hai trăm tám mươi bảy triệu ba trăm hai mươi tám ngàn không trăm lẻ ba) đồng. Buộc ông N1 phải trả số tiền nợ này cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Kể từ ngày 25/9/2024, ông Phạm Đạt Thường N1 còn phải trả cho ngân hàng các khoản nợ lãi và phí phát sinh theo đơn đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P MasterCard số 2019011610507236/TTD-PVB và Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 28/2020/HĐTD/PVB-NTT.KHCN cho đến khi tất toán khoản vay nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Đạt Thường N1 phải chịu án phí là 14.366.400 (Mười bốn triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn bốn trăm) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 5.578.162 (Năm triệu năm trăm bảy mươi tám ngàn một trăm sáu mươi hai) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0030128 ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Quận 12;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh